TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Thái.

2. Ông Võ Thanh Đức.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Tăng Thị Đ, sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp Tân Phú 1, xã Tân Lý Đông, huyện C .T, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Ông Trịnh Trọng L, sinh năm 1979 - Địa chỉ: Khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Tăng Thị Đ có nội dung như sau:**

Bà và ông Trịnh Trọng L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, quá trình sinh sống, vợ chồng bà sống hạnh phúc, đôi khi cũng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến năm 2017, vợ chồng bà sinh sống ở nhiều nơi, đến năm 2017 mới dọn về nhà cha mẹ của ông L ở khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L sinh sống. Vào khoảng tháng 03/2018 thì bà và ông L mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Tân, thị xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 ngày 20/3/2018. Lý do bà và ông L sinh sống như vợ chồng từ năm 2004 đến năm 2018 mà không đăng ký kết hôn là do vợ chồng không biết quy định pháp luật, cứ nghĩ làm đám cưới thì đã là vợ chồng, ngoài ra không còn nguyên do nào khác. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông L không chăm lo làm và chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, ông L có sử dụng ma túy, tuy bà không trực tiếp thấy ông L sử dụng nhưng ông L có những biểu hiện của người nghiện ma túy. Bà nhiều lần khuyên can, gia đình ông L cũng khuyên can nhưng ông L không thay đổi nên cuối năm 2018 bà dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Hiện bà và ông L mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, hiện tình cảm bà dành cho ông L không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 người con chung tên Tăng Lộc P, sinh ngày 22/4/2005, giới tính nam. Do trước đây bà và ông L chưa đăng ký kết hôn nên người con mang họ của bà và trong giấy khai sinh không thể hiện cha là ai. Ngoài lời trình bày thì bà không có chứng cứ nào để chứng minh cháu P là con ông L. Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nhưng hiện bà nhận thấy không có chứng cứ gì để chứng minh cháu P là con ông L nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Khi nào bà và ông P có tranh chấp về con sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về phía bị đơn – Ông Trịnh Trọng L:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông L vẫn vắng mặt không lý do.

* Qua xác minh thì vợ chồng bà Đ – ông L thường xuyên mâu thuẫn và ông L có đánh đập bà Đ.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị Đ là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn ông L; Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp thì vợ chồng bà Đ – ông L không có con chung; Đối với cháu Tăng Lộc P, sinh ngày 22/4/2005, giới tính nam là con trong thời kỳ bà Đ – ông L sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, bà Đ rút yêu cầu giải quyết về con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết; Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Tăng Thị Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Trịnh Trọng L có đăng ký nhân khẩu thường trú tại khu phố 02, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trịnh Trọng L vắng mặt không lý do; Riêng nguyên đơn bà Tăng Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Tăng Thị Đ và ông Trịnh Trọng L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn và được UBND phường Bình Tân, thị xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 ngày 20/3/2018, vì vậy hôn nhân của ông, bà là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà Đ vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông L vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Trịnh Trọng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông L bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà Đ, ông L thì ông L có hành vi bạo lực gia đình, làm cho bà Đ nhận thấy không thể sống chung nên về nhà cha mẹ sống, từ đó vợ chồng bà Đ, ông L mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, hành vi của ông L làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp thì vợ chồng bà Đ – ông L không có con chung; Đối với cháu Tăng Lộc P, sinh ngày 22/4/2005, giới tính nam, theo trình bày của bà Đ thì cháu P là con trong thời kỳ bà Đ – ông L sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, ngoài lời trình bày thì bà không có căn cứ gì để chứng minh. Tuy nhiên, bà Đ đã rút yêu cầu giải quyết về con, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

3.3. **Về tài sản chung, nợ chung**: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về án phí:** Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn"

1. Về hôn nhân: Bà Tăng Thị Đ được ly hôn ông Trịnh Trọng L.

2. Đình chỉ giải quyết đối với "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

3. Về án phí: Bà Tăng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001435 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đ, ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND p. Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn